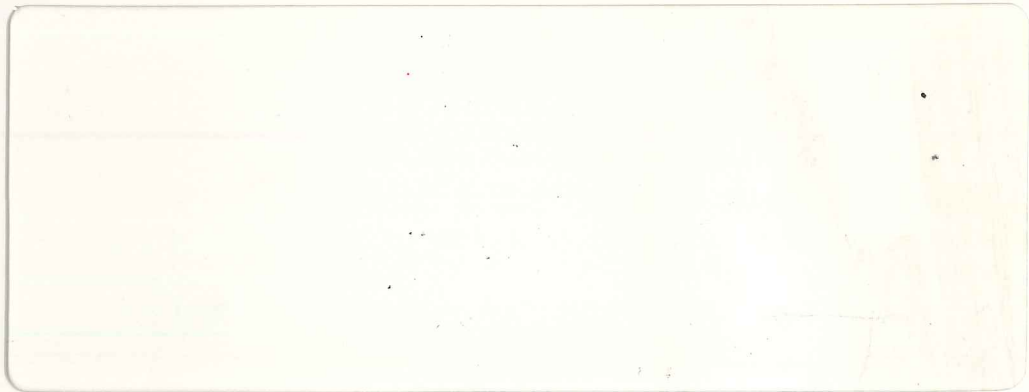




AUDIT AND ASSURANCE



www.nva.com.vn

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NVA

Trụ sở chính:

Add : Số 196 Vũ Tông Phan, Phường Bình Trưng, TP. HCM
Tel : (028) 3910 3908 - (028) 3910 6162 - (028) 3910 4880
Email : nva@nva.com.vn Web: www.nva.com.vn

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG VIÊN CÂY XANH TP. HỒ CHÍ MINH**

Báo cáo tài chính

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025
đã được kiểm toán**



MỤC LỤC

NỘI DUNG

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 23



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám Đốc Công ty TNHH Một Thành Viên Công Viên Cây Xanh TP. Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

KHÁI QUÁT

Công ty TNHH Một Thành Viên Công Viên Cây Xanh TP. Hồ Chí Minh được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty TNHH Một Thành Viên theo Quyết định số 3195/QĐ-UBND ngày 21 tháng 07 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300426575-1 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 09 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 11 tháng 11 năm 2025 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động của Công ty là: Quản lý, duy tu, cải tạo và xây dựng mới các công trình công cộng (công viên, vườn hoa, vườn thú, cây xanh đô thị). Thiết kế, thi công sân vườn, xây dựng công viên, lắp đặt trò chơi. Cung cấp và trồng cây xanh, hoa kiểng. Đốn mé cây xanh đô thị. Nhận quảng cáo kinh tế, văn hoá trong công viên. Tổ chức hoạt động ca, múa nhạc. Sản xuất gạch, sản xuất phân.

Vốn điều lệ: 54.091.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại số 2 Công Trường Quốc Tế, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh.

Hội đồng Thành viên, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng thành viên

Ông Trần Chí Cường	Chủ tịch HĐQTV
Ông Ngô Công Bảo	Thành viên

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Lê Thành Khoa	Giám đốc	Từ ngày 15/10/2025
Ông Nguyễn Doãn Hải	Phó Giám đốc	Đến ngày 14/10/2025
Bà Nguyễn Thị Thúy Loan	Kế toán trưởng	

Theo Quyết định số 5544/QĐ-UBND ngày 04/12/2024 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ông Nguyễn Doãn Hải được phân công phụ trách lãnh đạo, quản lý, điều hành hoạt động hằng ngày và thực hiện nhiệm vụ của Giám đốc Công ty TNHH MTV Công Viên Cây Xanh TP. Hồ Chí Minh kể từ ngày 01/12/2024 đến khi có quyết định bổ nhiệm Giám đốc Công ty TNHH MTV Công Viên Cây Xanh TP. Hồ Chí Minh, thời gian giao phụ trách không quá 12 tháng.

Ban kiểm soát

Ông Lưu Sơn Tùng	Kiểm soát viên
------------------	----------------

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Chí Cường	Chủ tịch HĐQTV	Đến ngày 14/10/2025
Ông Lê Thành Khoa	Giám đốc	Từ ngày 15/10/2025

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán NVA đã thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các hành vi khác.

Ban Giám đốc Công ty phê chuẩn và cam kết rằng Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Thay mặt Ban Giám đốc

Lê Thành Khoa
Giám Đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2026



AUDIT AND ASSURANCE

Số: 04.06.1.2/25/BCTC/NVA

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NVA
NVA AUDITING COMPANY LIMITED**

Số 196 Vũ Tông Phan, Phường Bình Trưng, TP. HCM

Tel : (028) 3910 3908 - (028) 3910 6162

Email: nva@nva.com.vn

Web : www.nva.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc
Công ty TNHH MTV Công viên Cây xanh TP. Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Công viên Cây xanh TP. Hồ Chí Minh được lập ngày 18/03/2026, từ trang 06 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Công viên Cây xanh TP. Hồ Chí Minh tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2026

Công ty TNHH Kiểm toán NVA

Phó Tổng Giám đốc



Cao Thị Hồng Nga
Số giấy chứng nhận ĐKHN
kiểm toán: 0613-2023-152-1

Kiểm toán viên

Bùi Duy Phương Thanh
Số giấy chứng nhận ĐKHN
kiểm toán: 5425-2025-152-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		199.334.293.271	163.975.512.538
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	79.211.997.440	46.437.858.383
1. Tiền	111		38.811.997.440	26.037.858.383
2. Các khoản tương đương tiền	112		40.400.000.000	20.400.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	22.910.158.161	32.101.176.097
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		22.910.158.161	32.101.176.097
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		86.617.069.959	73.368.608.397
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	74.311.829.181	66.754.731.423
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3.503.018.915	2.098.341.392
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	8.990.943.518	6.056.960.237
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(188.721.655)	(1.541.424.655)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	5.051.542.150	6.210.676.348
1. Hàng tồn kho	141		5.051.542.150	6.210.676.348
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.543.525.561	5.857.193.313
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10	5.543.525.561	5.857.193.313
3. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		15.568.744.619	18.240.939.720
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		15.215.324.960	17.569.334.430
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	15.215.324.960	17.569.334.430
- Nguyên giá	222		101.615.574.413	99.812.282.859
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(86.400.249.453)	(82.242.948.429)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		353.419.659	671.605.290
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	353.419.659	671.605.290
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		214.903.037.890	182.216.452.258

CÔNG TY TNHH MTV CÔNG VIÊN CÂY XANH TP.HCM

Số 2 Công Trường Quốc Tế, P. Xuân Hòa, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		153.953.610.935	121.267.025.303
I. Nợ ngắn hạn	310		152.506.910.935	119.995.325.303
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	33.903.493.161	20.442.898.257
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		16.250.968.406	9.219.654.963
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	5.579.256.793	1.155.152.502
4. Phải trả người lao động	314		50.877.963.182	49.205.293.761
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	60.000.000	60.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	13.986.212.472	15.121.879.619
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		31.849.016.921	24.790.446.201
II. Nợ dài hạn	330		1.446.700.000	1.271.700.000
1. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.446.700.000	1.271.700.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		60.949.426.955	60.949.426.955
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	54.090.939.792	54.090.939.792
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		54.090.939.792	54.090.939.792
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
II. Nguồn kinh phí	430		6.858.487.163	6.858.487.163
1. Nguồn kinh phí	431	V.14	6.858.487.163	6.858.487.163
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		214.903.037.890	182.216.452.258

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Hoàng Nhu

Nguyễn Thị Thúy Loan

Lê Thành Khoa

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	379.269.139.875	385.745.251.713
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	2.725.063.846	136.556.632
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	376.544.076.029	385.608.695.081
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	326.017.416.579	334.062.593.421
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		50.526.659.450	51.546.101.660
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	2.472.660.698	2.851.096.933
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	41.399.453.780	43.040.973.035
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.599.866.368	11.356.225.558
11. Thu nhập khác	31	VI.7	413.981.020	207.072.040
12. Chi phí khác	32	VI.8	569.642.368	1.575.339.178
13. Lợi nhuận khác	40		(155.661.348)	(1.368.267.138)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.444.205.020	9.987.958.420
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	2.402.769.478	2.312.659.520
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.041.435.542	7.675.298.900

Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Nhu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thúy Loan

Giám đốc



Lê Thành Khoa

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	395.943.825.519	388.897.132.061
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(148.613.766.497)	(179.085.784.302)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(180.638.926.630)	(177.544.937.816)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(2.462.659.520)	(1.800.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	22.677.636.731	19.848.975.007
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(61.722.326.917)	(68.448.078.812)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	25.183.782.686	(18.132.693.862)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(4.275.688.592)	(4.696.180.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	413.054.167	140.370.372
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(43.116.541.628)	(71.114.688.934)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	52.307.559.564	51.080.365.384
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.261.972.860	2.057.053.569
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	7.590.356.371	(22.533.079.609)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	32.774.139.057	(40.665.773.471)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	46.437.858.383	87.103.631.854
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	79.211.997.440	46.437.858.383

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Nguyễn Hoàng Nhu

Nguyễn Thị Thúy Loan

Lê Thành Khoa

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu

Công ty TNHH Một Thành Viên Công Viên Cây Xanh TP. Hồ Chí Minh được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty TNHH Một Thành Viên theo Quyết định số 3195/QĐ-UBND ngày 21 tháng 07 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300426575-1 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 09 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 11 tháng 11 năm 2025 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ: 54.091.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại số 2 Công Trường Quốc Tế, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 1.086 người (số đầu năm 1.102 người)

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: dịch vụ, sản xuất.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động của Công ty là: Quản lý, duy tu, cải tạo và xây dựng mới các công trình công cộng (công viên, vườn hoa, vườn thú, cây xanh đô thị). Thiết kế, thi công sân vườn, xây dựng công viên, lắp đặt trò chơi. Cung cấp và trồng cây xanh, hoa kiểng. Đón mé cây xanh đô thị. Nhận quảng cáo kinh tế, văn hoá trong công viên. Tổ chức hoạt động ca, múa nhạc. Sản xuất gạch, sản xuất phân.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị phụ thuộc như sau:

- Công viên Lê Văn Tám
- Công viên Tao Đàn
- Công viên Trung Tâm
- Công viên Gia Định A
- Công viên Gia Định B
- Xí nghiệp CV Cây Xanh 1
- Xí nghiệp CV Cây Xanh 2
- Xí nghiệp CV Cây Xanh 3
- Xí nghiệp CV Cây Xanh 4
- Xí nghiệp CV Cây Xanh 5
- Vườn ươm
- Xí nghiệp DV Vận tải - Đào tạo.



II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng hóa tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

CÔNG TY TNHH MTV CÔNG VIÊN CÂY XANH TP.HCM

Số 2 Công Trường Quốc Tế, P. Xuân Hòa, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao
	Năm nay
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 năm
Máy móc, thiết bị	05 năm
Phương tiện vận tải	06 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

10. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, không bao gồm các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

11. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY TNHH MTV CÔNG VIÊN CÂY XANH TP.HCM
Số 2 Công Trường Quốc Tế, P. Xuân Hòa, TP.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Cuối năm		Đầu năm	
	VND		VND	
Tiền mặt	110.780.842		227.122.490	
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	38.701.216.598		25.810.735.893	
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng)	40.400.000.000		20.400.000.000	
Cộng	79.211.997.440		46.437.858.383	
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn Đơn vị tính: VND				
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi số	Giá gốc	Giá trị ghi số
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	22.910.158.161	22.910.158.161	32.101.176.097	32.101.176.097
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng	22.910.158.161	22.910.158.161	32.101.176.097	32.101.176.097
Cộng	22.910.158.161	22.910.158.161	32.101.176.097	32.101.176.097
3. Phải thu của khách hàng				
	Cuối năm		Đầu năm	
	VND		VND	
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	74.311.829.181		66.754.731.423	
Trung tâm Quản lý Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	45.290.526.479		56.784.563.678	
Phòng Quản lý Đô thị Huyện Bình Chánh	-		2.251.409.452	
Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông	1.228.276.833		554.996.000	
Ban Quản lý Dự Án Đầu Tư Xây Dựng Khu Vực Huyện Bình Chánh	3.463.706.529		-	
Ban Quản Lý Đường Sắt Đô Thị	463.464.049		1.235.423.338	
Trung Tâm Phát Triển Hạ Tầng Kỹ Thuật TP. Thủ Đức	3.619.308.869		1.502.138.915	
Tổng Công ty Du Lịch Sài Gòn TNHH Một thành viên	-		654.942.000	
Công ty cổ phần ACT Holdings	3.679.710.210		-	
Ban Quản Lý Dự Án Cam Lâm	1.390.729.000		-	
Trung Tâm Quản Lý Phố Đi Bộ Và Công Viên Trên Địa Bàn Quận 1	8.312.389.414		-	
Ban Quản Lý Dự Án Đầu Tư Xây Dựng Khu Vực Huyện Hóc Môn	1.274.989.751		-	
Ban Quản Lý Dự Án Đầu Tư Xây Dựng Khu Vực Quận Gò Vấp	2.854.471.795		-	
Các khách hàng khác	2.734.256.252		3.771.258.040	
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-		-	
Cộng	74.311.829.181		66.754.731.423	

CÔNG TY TNHH MTV CÔNG VIÊN CÂY XANH TP.HCM
Số 2 Công Trường Quốc Tế, P. Xuân Hòa, TP.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán	Cuối năm		Đầu năm	
	VND		VND	
a) Ngắn hạn	3.503.018.915		2.098.341.392	
Công ty TNHH MTV Cựu Chiến Binh TP.HCM	624.496.000		624.496.000	
Viện Công Nghệ Hóa Học	-		892.640.000	
Công ty TNHH Đồng Tấn Hưng	1.974.000.000		-	
Cty TNHH TM DV Truyền Thông Bảo Ngọc	-		250.000.000	
Công ty TNHH XD Tuấn Kiệt Sài Gòn	-		195.110.287	
Công ty TNHH DV Cảnh quan Nam Phát	601.597.816		-	
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	302.925.099		136.095.105	
b) Dài hạn	-		-	
Cộng	3.503.018.915		2.098.341.392	

5. Phải thu ngắn hạn khác	Cuối năm		Đầu năm	
	VND		VND	
Tạm ứng	1.723.924.760		784.460.635	
Ký quỹ, ký cược	4.672.428.676		2.664.361.297	
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	851.678.344		531.620.108	
Phải thu lãi tiền gửi	1.073.691.597		863.003.759	
Phải thu khác	669.220.141		1.213.514.438	
Cộng	8.990.943.518		6.056.960.237	

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Đơn vị tính: VND

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	188.721.655	(188.721.655)	1.541.424.655	(1.541.424.655)
Viện Công Nghệ Hóa Học	-	-	892.640.000	(892.640.000)
Công ty TNHH MTV Thành An 117	188.721.655	(188.721.655)	648.784.655	(648.784.655)
Cộng	188.721.655	(188.721.655)	1.541.424.655	(1.541.424.655)

7. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	160.871.150	-	163.238.498	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.890.671.000	-	6.047.437.850	-
Cộng	5.051.542.150	-	6.210.676.348	-

CÔNG TY TNHH MTV CÔNG VIÊN CÂY XANH TP.HCM
Số 2 Công Trường Quốc Tế, P. Xuân Hòa, TP.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Phải trả người bán	Đơn vị tính: VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	33.903.493.161	33.903.493.161	20.442.898.257	20.442.898.257
Cơ Sở Hoa Kiếng Hùng Hậu	92.598.000	92.598.000	455.721.000	455.721.000
Cơ Sở Hoa Kiếng Tổng Thanh Vân	1.200.643.500	1.200.643.500	285.600.000	285.600.000
Công ty TNHH MTV quản lý kinh doanh nhà TP.HCM	7.577.920.872	7.577.920.872	2.487.000.000	2.487.000.000
Vườn Ươm Cây Giống Hoàng Quốc	36.969.200	36.969.200	1.005.922.920	1.005.922.920
Hộ Kinh Doanh Cơ sở Cây kiếng Xuân Chinh	206.635.000	206.635.000	1.040.699.500	1.040.699.500
Hộ Kinh Doanh CS Nông Lâm Nghiệp, Cơ Khí, Xây Dựng Bình An	421.705.500	421.705.500	1.969.576.115	1.969.576.115
Công ty TNHH Phân Bón Hữu Cơ Bách Tùng	-	-	1.577.193.102	1.577.193.102
Hộ Kinh Doanh CH Vật Tư Nông Lâm Nghiệp Đại Phát	693.287.737	693.287.737	601.093.065	601.093.065
Công ty TNHH TM DV XD Môi Trường Hà Giang	409.733.100	409.733.100	515.312.491	515.312.491
Công ty TNHH Môi Trường Xanh Bình Chánh	642.700.988	642.700.988	642.700.988	642.700.988
Công Ty TNHH Sân Vườn Thế Hệ Mới	1.574.564.246	1.574.564.246	-	-
Hộ Kinh Doanh hoa kiếng Diễm Mí	1.001.228.405	1.001.228.405	449.774.000	449.774.000
Công ty TNHH Đầu Tư TMDV Phúc Nguyễn	1.296.398.002	1.296.398.002	-	-
Công ty TNHH Công Trình Đô Thị Sống Xanh	2.618.313.000	2.618.313.000	-	-
Hộ Kinh Doanh CH Nông Lâm Nghiệp Đại Phát	693.287.737	693.287.737	601.093.065	601.093.065
Phải trả người bán ngắn hạn khác	15.437.507.874	15.437.507.874	8.811.212.011	8.811.212.011
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	33.903.493.161	33.903.493.161	20.442.898.257	20.442.898.257

10. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước

	Đầu năm		Trong năm		Cuối năm	
	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải thu	Số phải nộp
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	77.512.593	13.631.066.092	9.136.337.589	-	4.572.241.096
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	946.151.046	2.402.769.478	2.462.659.520	-	886.261.004
Thuế thu nhập cá nhân	5.857.193.313	-	1.496.545.588	1.182.877.836	5.543.525.561	-
Thuế tài nguyên	-	131.488.863	243.954.693	254.688.863	-	120.754.693
Các loại thuế khác	-	-	3.200.000	3.200.000	-	-
Cộng	5.857.193.313	1.155.152.502	17.777.535.851	13.039.763.808	5.543.525.561	5.579.256.793

CÔNG TY TNHH MTV CÔNG VIÊN CÂY XANH TP.HCM
Số 2 Công Trường Quốc Tế, P. Xuân Hòa, TP.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
11. Chi phí trả trước		
a) Ngắn hạn	-	-
b) Dài hạn	353.419.659	671.605.290
Chi phí Phần mềm	219.098.598	-
Chi phí chờ phân bổ	134.321.061	671.605.290
Cộng	353.419.659	671.605.290
12. Chi phí phải trả ngắn hạn		
	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Chi phí phải trả khác	60.000.000	60.000.000
Cộng	60.000.000	60.000.000
13. Phải trả khác		
	Cuối năm VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	13.986.212.472	15.121.879.619
Kinh phí công đoàn	200.888.297	209.975.203
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.055.111.870	160.000.000
Thuế TNCN phải trả người lao động	3.732.910.711	-
Phải trả chi phí cho các đơn vị	7.860.061.755	11.491.999.962
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.137.239.839	3.259.904.454
b) Dài hạn	-	-
Cộng	13.986.212.472	15.121.879.619
14. Nguồn kinh phí		
	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	6.858.487.163	6.781.943.258
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	-
Chi sự nghiệp	-	-
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	6.858.487.163	6.858.487.163



CÔNG TY TNHH MTV CÔNG VIÊN CÂY XANH TP.HCM
 Số 2 Công Trường Quốc Tế, P. Xuân Hòa, TP.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	54.090.939.792	-	-	54.090.939.792
- Tăng vốn trong năm				-
- Lãi trong năm			7.675.298.900	7.675.298.900
- Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi			(7.315.026.400)	(7.315.026.400)
- Tạm trích quỹ khen thưởng ban điều hành			(360.272.500)	(360.272.500)
- Giảm khác				-
Số dư cuối năm trước	54.090.939.792	-	-	54.090.939.792
Số dư đầu năm nay	54.090.939.792	-	-	54.090.939.792
- Lãi trong năm			9.041.435.542	9.041.435.542
- Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi			(8.916.035.542)	(8.916.035.542)
- Tạm trích quỹ khen thưởng ban điều hành			(125.400.000)	(125.400.000)
- Giảm khác				-
Số dư cuối năm nay	54.090.939.792	-	-	54.090.939.792

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm		Đầu năm	
	VND	%	VND	%
Vốn góp của nhà nước	54.090.939.792	100%	54.090.939.792	100%
Cộng	54.090.939.792	100%	54.090.939.792	100%



CÔNG TY TNHH MTV CÔNG VIÊN CÂY XANH TP.HCM

Số 2 Công Trường Quốc Tế, P. Xuân Hòa, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	379.269.139.875	385.745.251.713
Doanh thu hoạt động công ích	319.309.853.568	323.875.466.059
Doanh thu cung cấp dịch vụ	59.959.286.307	61.869.785.654
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2.725.063.846	136.556.632
Giảm giá hàng bán	2.725.063.846	136.556.632
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	376.544.076.029	385.608.695.081
Doanh thu thuần hoạt động công ích	316.713.075.129	323.738.909.427
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	59.831.000.900	61.869.785.654
4. Giá vốn hàng bán	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Giá vốn hoạt động công ích	264.435.107.281	271.312.899.809
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	61.582.309.298	62.749.693.612
Cộng	<u>326.017.416.579</u>	<u>334.062.593.421</u>
5. Doanh thu hoạt động tài chính	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.472.660.698	2.851.096.933
Cộng	<u>2.472.660.698</u>	<u>2.851.096.933</u>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Chi phí nhân viên	24.177.160.494	23.956.470.608
Chi phí khấu hao TSCĐ	680.956.992	680.956.992
Chi phí thuê văn phòng	6.994.712.727	9.545.454.544
Chi phí bằng tiền khác	9.546.623.567	8.858.090.891
Cộng	<u>41.399.453.780</u>	<u>43.040.973.035</u>

CÔNG TY TNHH MTV CÔNG VIÊN CÂY XANH TP.HCM

Số 2 Công Trường Quốc Tế, P. Xuân Hòa, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

7. Thu nhập khác	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu thanh lý tài sản cố định	413.054.167	140.370.372
Thu nhập khác	926.853	66.701.668
Cộng	413.981.020	207.072.040

8. Chi phí khác	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản bị phạt, chậm nộp	5.233.473	1.154.512
Thuế GTGT nộp bổ sung	-	-
Chi phí hỗ trợ tài nạn	564.295.091	1.529.516.367
Chi phí khác	113.804	44.668.299
Cộng	569.642.368	1.575.339.178

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.444.205.020	9.987.958.420
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	569.642.368	1.575.339.178
- Các khoản điều chỉnh tăng	569.642.368	1.575.339.178
+ Chi phí không hợp lệ	569.642.368	1.575.339.178
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	12.013.847.388	11.563.297.598
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên TN chịu thuế năm hiện hành	2.402.769.478	2.312.659.520
Chi phí thuế TNDN các năm trước nộp bổ sung	-	-
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	2.402.769.478	2.312.659.520

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố Chỉ tiêu	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	48.939.908.159	49.630.967.937
Chi phí nhân công	223.111.586.416	225.192.630.545
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.629.698.062	6.503.891.718
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.610.137.625	81.974.441.748
Chi phí bằng tiền khác	11.968.773.247	13.801.634.508
Cộng	366.260.103.509	377.103.566.456

34-C
TY
H
OÁN
A
CHI

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác của Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc	1.515.000.000	2.882.180.000

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Kiểm toán NVA kiểm toán.

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm 2025 không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Nhu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2026

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thúy Loan

Giám đốc



Lê Thành Khoa